



jiǎo zhà
狡 诈

adjective · cunning; deceitful

Example Sentences

Zhè ge rén fēi cháng jiǎo zhà
这个人非常狡诈。

This person is very cunning.

Tā yòng jiǎo zhà de shǒu duàn piàn qǔ le dà jiā de xìn rèn
他用狡诈的手段骗取了大家的信任。

He used deceitful methods to gain everyone's trust.

Trace each character, then write the word on your own.

狡	狡	狡	狡	狡	狡	狡	狡	狡	狡	狡
狡										
诈	诈	诈	诈	诈	诈	诈	诈	诈	诈	诈